TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3** TỈNH TÂY NINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/DS-ST
Ngày 09 - 01 - 2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Chí Lin
2. Bà Trần Thị Đổi

***Thư ký phiên tòa*:** Nguyễn Thị Kim Thoa - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Tỉnh Tây Ninh.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 645/2025/TLST- DS ngày 07 tháng 11 năm 2025 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 555/2025/QĐXXST - DS ngày 28 tháng 11 năm 2025, giữa:

1.*Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp B, xã M, tỉnh Tây Ninh. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1966. Địa chỉ Ấp B, xã H, tỉnh Tây Ninh (Theo giấy ủy quyền ngày 08/8/2025) (có mặt).

2. Bị đơn:
2.1. Bà Kiều Linh Đ, sinh năm 1983 (vắng mặt)
2.2. Ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1975 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp B, xã H, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/8/2025; trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T *do ông* T1 *đại diện trình bày:*

Bà Kiều Linh Đ và ông Nguyễn Thanh T2 có vay của bà T số tiền 560.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi triệu đồng), hai bên có làm giấy nợ đề ngày 23/02/2025. Nội dung giấy nợ ghi: " *Trước đây tôi có mượn bà* Nguyễn Thị Thanh T*...số tiền 360.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng) để đầu tư vào bất động sản và trong thời gian khó khăn tôi có nhờ chị* T *chơi cho tôi hai dây hụi 5 triệu đồng và*

200 triệu...Tôi gửi chị T *đóng đượng 17 triệu và cho đến thời điểm hiện tại tôi xin góp lại là 543 triệu...*". Tuy nhiên kể từ ngày làm giấy này bà Đ và ông T2 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Nay bà T yêu cầu bà Đ và ông T2 trả 543.000.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đ *có lời trình bày tại bản tự khai:* Bà thừa nhận có vay tiền bà T với số tiền là 543.000.000 đồng (Năm trăm bốn mươi ba triệu đồng) nhưng hiện hoàn cảnh bà đang khó khăn, bà xin trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ngoài ra bà xin xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thanh T2 *có lời trình bày tại bản tự khai:* Ông không biết gì về số tiền mà bà Đ mượn bà T nên ông không đồng ý liên đới trả nợ cho bà T. Đồng thời, ông xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Kiều Linh Đ và ông Nguyễn Thanh T2 có hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã H, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân khu vực 3, Tây Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Thanh T là người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, bà Đ và ông T2 là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện bà Kiều Linh Đ và ông Nguyễn Thanh T2 trả tiền thuộc trường hợp yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu nên đối chiếu theo quy định Điều 155 Bộ luật dân sự nên không tính thời hiệu khởi kiện; Bà T có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về xét xử vắng mặt:

Bị đơn bà Đ và ông T2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các ông bà.

[1.4] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu bà Đ và ông T2 trả 543.000.000 đồng tiền mượn và không yêu cầu tính lãi. Về chứng cứ Tòa án đã thu thập được do bà Thủy cung C gồm có: giấy nợ.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Các đương sự xác định đã tiếp cận đầy đủ chứng cứ của nhau.

Thời điểm phát sinh tranh chấp Bộ luật dân sự 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về việc công khai chứng cứ, hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án xét xử trong phạm vi đương sự có yêu cầu.

[2].Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị Thanh T và bà Kiều Linh Đ đều thống nhất về việc bà Đ có mượn số tiền bà T là 543.000.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc bà Đ phải trả số tiền vay là 543.000.000 đồng là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về trách nhiệm liên đới: Ông T2 cho rằng tiền mượn nợ bà T là nợ riêng của bà Đ, không liên quan đến ông T2 nên ông T2 không đồng ý liên đới cùng bà Đ trả cho bà T số tiền này. Tại phiên tòa, đại diện bà T trình bày là bà Đ và ông T2 là vợ chồng hợp pháp và sống chung nhà, việc bà Đ mượn tiền của bà T thì ông T2 có biết. Xét thấy, ông T2 và bà Đ là vợ chồng hợp pháp, trong thời kỳ hôn nhân và việc bà Đ mượn tiền nhằm mục đích phát triển kinh tế và nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, ông T2 phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Đ trả tiền vay cho bà T theo quy định tại Điều 37, 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông T2 và bà Đ phải liên đới trả cho bà T số tiền vay là 543.000.000 đồng (Năm trăm bốn ba triệu đồng).

Về yêu cầu tính lãi suất: Bà Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu tính tiền lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về án phí, theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vìcác lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471, Điều 288, 357, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 37, 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" đối với bà Kiều Linh Đ và Nguyễn Thanh T2.

Buộc bà Kiều Linh Đ và ông Nguyễn Thanh T2 phải liên đới trả cho Nguyễn Thị Thanh T số tiền 543.000.000 đồng (Năm trăm bốn ba triệu đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Kiều Linh Đ và ông Nguyễn Thanh T2 phải liên đới chịu số tiền 25.720.000 đồng (Hai mươi lăm triệu bảy trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND KV3-Tây Ninh;
-TAND tỉnh Tây ninh;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mộng Thúy